

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: **642/2022/HC-PT**

Ngày: 25 -10 - 2022

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thương Huyền

Các Thẩm phán:

1/ Bà Lê Hồng Phụng

2/ Ông Nguyễn Vũ Trọng Đan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tú Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 8, 26 tháng 9 và ngày 25 tháng 10 năm 2022 tại
trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai
vụ án thụ lý số 31/2017/TLPT-HC ngày 19 tháng 6 năm 2017 về việc “Khiếu kiện
quyết định hành chính, hành vi hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 20/01/2017 của
Tòa án nhân dân Quận X bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4396/2022/QĐXXST-HC ngày 11
tháng 8 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 11350/2022/QĐPT-HC
ngày 29 tháng 8 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số
12756/2022/QĐPT-HC ngày 26 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Lưu Quang T

Địa chỉ: D19/10D đường N, Khu phố a, phường B, Quận X (nay là phường
An Khánh, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Quốc T1

Địa chỉ: 16 Đường a, Khu phố b, phường A, Quận X (nay là thành phố T),
Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn bản ủy quyền số 005327/2017/UQ ngày 31/7/2017 tại Văn phòng
Công chứng T, số 158 đường N, phường B1, Quận X (nay là phường A1, thành
phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân Quận X (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh

Cùng địa chỉ: 168 Đường b, phường T, Quận X (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1/ Ông Trần Cảnh P

2/ Ông Phạm Hoàng Anh T2

3/ Ông Trần Quốc S

Địa chỉ: 164 Đường b, phường T, Quận X (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hà Thị Thanh Y

Địa chỉ: D19/10 đường N, Khu phố a, phường B, Quận X (nay là phường A1, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Bùi Quốc T1

Địa chỉ: 16 Đường a, Khu phố b, phường A, Quận X (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn bản ủy quyền số 005350/2017/UQ ngày 01/8/2017 tại Văn phòng Công chứng T, số 158 đường N, phường B1, Quận X (nay là phường A1, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ủy ban nhân dân phường B, Quận X (nay phường A1, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 27 đường L, phường B, Quận X (nay là phường A1, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường N – Công chức Địa chính – Xây dựng – Đô thị và Môi trường phường A1, thành phố T.

(Giấy ủy quyền số 12/GUQ-UBND ngày 26/8/2012)

Người kháng cáo: Ông Lưu Quang T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nhà đất số D19/10D Khu phố a, phường B, Quận X (nay là phường A1, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh tọa lạc trên phần đất diện tích 140m² có

nguồn gốc do ông T nhận chuyển nhượng của bà Trà Thị T3. Năm 1999, chính quyền địa phương xác định là khu đất trên thuộc sở hữu nhà nước và thu hồi giao cho Công ty Quản lý và Phát triển nhà Quận X. Công ty đã cho bà T3 và ông T thuê lại theo Hợp đồng thuê số 270 ngày 14/02/1999 (người đứng thuê trong Hợp đồng là bà T3). Sau khi nhận chuyển nhượng nhà, đất; vì là anh em kết nghĩa nên ông T có nhờ gia đình bà T3 trông coi giùm đồng thời bà T3 kê khai đăng ký nhà đất năm 1999. Năm 2000, bà T3 mang toàn bộ nhà, đất đi thế chấp vay tiền với lãi suất cao. Để không bị mất nhà, ông T và bà T3 lập thêm 1 giấy mua bán nhà và có xác nhận của chính quyền địa phương. Sau khi bà T3 trả hết khoản tiền nợ, ông T và bà T3 đã hủy bản chính mua bán năm 2000.

Năm 2002, ông T tiến hành sửa chữa và đưa cả gia đình về cư trú, đăng ký tạm trú tại nhà đất trên. Năm 2004, do nhà thấp bị triều cường gây ngập nước nên ông T đã làm đơn xin phép sửa chữa và được cấp Giấy phép số 3917/UB-QLTT ngày 16/9/2004. Ngày 20/4/2004, ông T được Ủy ban nhân dân Quận X cấp sổ nhà D19/10D Khu phố a, phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 10/5/2010, Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 5692/QĐ-UBND bồi thường hỗ trợ và tái định cư cho ông T tổng số tiền là 137.340.000đ (Một trăm ba mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

Theo ông T, nhà đất của ông T nằm ngoài ranh dự án Khu đô thị mới Y. Ông T yêu cầu Tòa án nhân dân Quận X hủy các quyết định và xem xét các hành vi sau đây:

- Hủy Quyết định hành chính số 5692/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của Ủy ban nhân dân Quận X về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại.

- Hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 12538/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 của Ủy ban nhân dân Quận X.

- Hủy Quyết định hành chính số 5354/QĐ-UBND ngày 29/4/2010 của Ủy ban nhân dân Quận X về việc bổ sung danh sách di chuyển các hộ dân cư, cơ quan đơn vị và vật kiến trúc trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới Y.

- Xác định hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân Quận X về việc “không phổ biến đồ án quy hoạch liên quan đến Quyết định số 1997/QĐ-UB về việc thu hồi và giao đất xây dựng Khu đô thị mới Y ngày 10/5/2002” là trái pháp luật.

- Xác định hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X về việc “sử dụng bản đồ bất hợp pháp để áp đặt nhà và đất số D19/10D Khu phố a, phường B, Quận X nằm ngoài Quyết định 367 của Thủ tướng Chính phủ và ngoài Quyết định 13585 của Kiến trúc sư trưởng vào danh sách các hộ dân bị thu hồi theo Quyết định 1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố và Bản đồ 02/BB-BQL có ranh giới dự kiến giao đất 930 ha để ban hành các quyết định về điều chỉnh, di chuyển dân cư, quyết định bồi thường, quyết định cưỡng chế và thông báo thời gian cưỡng chế đối với hộ D19/10D Khu phố a, phường B, Quận X” là trái pháp luật.

Người bị kiện - Ủy ban nhân dân Quận X và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X trình bày:

Phần nhà đất có diện tích 136,69m² tọa lạc tại số D19/10D, Khu phố a, phường B, Quận X thuộc một phần thửa 37, tờ bản đồ số 22, phường B, Quận X (bản đồ địa chính năm 2002) do ông Lưu Quang T sử dụng nằm trong phạm vi giải tỏa Khu đô thị mới Y theo Quyết định thu hồi và giao đất số 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 17/3/2010, Ủy ban nhân dân phường B có giấy xác nhận hồ sơ pháp lý nhà, đất số 151/UBND-XN đối với phần nhà, đất nêu trên.

Ủy ban nhân dân Quận X nhận thấy: Tại Điều 1 của Quyết định số 1997/QĐ – UB ngày 10/5/2002 của Ủy ban nhân dân thành phố có nêu: “Vị trí, ranh giới khu đất bị thu hồi được xác định trên bản đồ số 02/BB – BQL do Công ty đo đạc địa chính và công trình lập, Sở Địa chính – Nhà đất duyệt ngày 03/5/2002”. Như vậy tại vị trí căn nhà số D19/10D Khu phố a, phường B, Quận X do ông T sử dụng nằm trong ranh quy hoạch Khu đô thị mới Y. Do đó, Ủy ban nhân dân Quận X giữ nguyên nội dung các quyết định hành chính đã ban hành.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân phường B trình bày:

Căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty Đo đạc địa chính công trình lập ngày 09/3/2010 thì phần diện tích nhà, đất của hộ ông Lưu Quang T thuộc một phần thửa đất số 37 tờ bản đồ số 22 (bản đồ địa chính 2002), Khu phố a, phường B, Quận X, có nguồn gốc, quá trình sử dụng như sau:

Đất có nguồn gốc do chính quyền chế độ cũ trưng thu từ năm 1972 nhưng chưa đưa vào sử dụng. Sau năm 1975 do Nhà nước trực tiếp quản lý theo Tài liệu 299/TTg thuộc một phần thửa 530 tờ 01 xã A1, huyện T (cũ) nhưng trong thực tế do Nhà nước chưa quản lý sử dụng, nên ông Nguyễn Văn T4 tự khai thác sử dụng từ trước năm 1980. Năm 1989 ông T4 chuyển nhượng lại phần đất trống này cho ông Hồ Thanh H, sau đó ông H cất nhà lá và chuyển nhượng lại nhà, đất cho bà Mai Thị T5. Tháng 01/1993 bà T5 chuyển nhượng lại nhà, đất cho ông Phan Thanh H1, sau đó, ông H1 tiếp tục chuyển nhượng lại nhà, đất cho ông Lê Hữu Đ. Tháng 06/1993 ông Đ chuyển nhượng lại nhà, đất có diện tích khoảng 280 m² cho ông Nguyễn Hữu P1 có vợ là bà Trà Thị T3. Trong quá trình sử dụng, ông P1 – bà T3 đã sửa chữa, xây dựng lại toàn bộ căn nhà để ở. Đến ngày 08/8/2000 ông P1 và bà T3 lập giấy tay chuyển nhượng một phần đất trống (bên hông nhà) cho ông Lưu Quang T có diện tích khoảng 140 m² và ông T sử dụng đến nay.

Về nhà: Năm 2002, ông T tiến hành xây dựng nhà tạm (không có giấy phép xây dựng) với cấu trúc: tường mượn, mái tole, nền xi măng (theo bản vẽ do Công ty quản lý và Phát triển nhà Quận X lập ngày 06/07/2002). Đến tháng 9/2004, ông T nộp đơn xin phép xây dựng lại phần nhà này. Ngày 16/9/2004 Ủy ban nhân dân Quận X đã có Công văn số 3917/UB-QLTT với nội dung cho phép ông T sửa chữa tạm (chống dột, nâng nền, nâng mái) với diện tích 33,6m² và ông T đã thực hiện sửa chữa lại nhà như hiện trạng bản vẽ bồi thường và sử dụng cho đến nay.

Ngoài ra, tháng 01/2007, ông T thực hiện xây dựng công trình không có giấy phép với diện tích $(7,8 \text{ m} \times 3,3 \text{ m}) \times 2 = 51,48 \text{ m}^2$ trên phần đất trống, Ủy ban nhân dân phường B đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 12/QĐ-UBND ngày 22/01/2007 và Quyết định cưỡng chế số 32/QĐ-UBND ngày 15/03/2007 (phần công trình này không thể hiện trong bản vẽ bồi thường).

Ngày 30/9/1999, Ủy ban nhân dân Quận X ký Quyết định số 2551/QĐ-UB-QLĐT về việc thu hồi đất công tại phường B do 346 hộ dân đang sử dụng (trong đó có hộ bà T3). Đến ngày 13/10/2003, Ủy ban nhân dân Quận X đã ban hành Quyết định số 9835/QĐ-UB-QLĐT về thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 2551/QĐ-UB-QLĐT, nội dung Quyết định có nêu "... giao Ủy ban nhân dân phường B lập sổ sách theo dõi, quản lý việc sử dụng đất của 346 hộ theo danh sách trước đây để thực hiện chính sách hỗ trợ, đền bù và các quy định khác trong quản lý sử dụng đất". Đất không nằm trong danh mục đất do Ủy ban nhân dân phường trực tiếp quản lý và ngày 17/4/2008, Công ty Quản lý và Phát triển nhà Quận X có Công văn số 381/CV-PTN-QLN xác nhận phần đất trên không có tên trong danh sách nhà sở hữu Nhà nước thuộc Công ty đang quản lý.

Về tranh chấp khiếu nại: hiện không có tranh chấp khiếu nại về diện tích đất và quyền sử dụng đất.

Về vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng, sử dụng đất: có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 12/QĐ-UBND ngày 22/01/2007 và Quyết định cưỡng chế số 32/QĐ-UBND ngày 15/03/2007.

Về nộp thuế nhà đất: hộ Lưu Quang T không có tên trong danh sách sổ bộ thuế của phường. Diện tích nhà, đất nêu trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở.

Căn cứ theo Quyết định thu hồi đất số 1997/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 10/5/2002 về việc thu hồi đất xây dựng Khu đô thị mới Y đính kèm bản đồ số 02/BB đã được Sở địa chính nhà đất duyệt ngày 03/5/2002 thì vị trí nhà, đất của hộ ông Lưu Quang T nằm hoàn toàn trong khu quy hoạch dự án đô thị mới Y.

Ủy ban nhân dân phường B khẳng định Giấy xác nhận hồ sơ pháp lý nhà đất số 151/GXN-UBND, ngày 17/3/2010 là có căn cứ và chính xác. Do vậy đề nghị Tòa án giải quyết vụ án trên theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Bà Hà Thị Thanh Y trình bày: Bà Yên thống nhất với ý kiến của ông Lưu Quang T và không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản án số 01/2017/HC-ST ngày 20/01/2017 của Tòa án nhân dân Quận X đã quyết định như sau:

- Áp dụng Điều 146, Điều 194, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

- Áp dụng Điều 104 Luật Tổ tụng hành chính số 64/2010/QH12;

- Áp dụng Nghị quyết 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Áp dụng Nghị quyết 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Áp dụng khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu của ông Lưu Quang T và bà Hà Thị Thanh Y về việc hủy Quyết định hành chính số 5354/QĐ-UBND ngày 29/4/2010 của Ủy ban nhân dân Quận X về việc bổ sung danh sách di chuyển các hộ dân cư, cơ quan đơn vị và vật kiến trúc trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới Y và Quyết định số 5692/QĐ-UBND, ngày 10/5/2010 của Ủy ban nhân dân Quận X về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông T về việc hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 12538/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 của Ủy ban nhân dân Quận X.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông T về việc đề nghị Tòa án nhân dân Quận X xác định hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân Quận X về việc không phổ biến đồ án quy hoạch liên quan đến Quyết định số 1997/QĐ-UB về việc thu hồi và giao đất xây dựng Khu đô thị mới Y ngày 10/5/2002 là trái pháp luật.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông T về việc đề nghị Tòa án nhân dân Quận X xác định hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X về việc sử dụng bản đồ bất hợp pháp để áp đặt nhà và đất số D19/10D Khu phố a, phường B, Quận X nằm ngoài Quyết định 367 của Thủ tướng Chính phủ và ngoài Quyết định 13585 của Kiến trúc sư trưởng vào danh sách các hộ dân bị thu hồi theo Quyết định 1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố và Bản đồ 02/BB-BQL có ranh giới dự kiến giao đất 930 ha để ban hành các quyết định về điều chỉnh, di chuyển dân cư, quyết định bồi thường, quyết định cưỡng chế và thông báo thời gian cưỡng chế đối với hộ D19/10D Khu phố a, phường B, Quận X.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/02/2017, người khởi kiện nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và trình bày ý kiến tranh luận: Ủy ban nhân dân Quận X cho rằng Nhà đất số D19/10D Khu phố a, phường B, Quận X nằm trong ranh quy hoạch đô thị mới Y là không có căn cứ. Người khởi kiện đã yêu cầu Tòa án nhân dân Quận X thu thập bản đồ quy hoạch nhưng không được chấp nhận. Việc Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định 5692/QĐ-UBND và Quyết định số 893/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5692/QĐ-UBND cũng không đúng vì Ủy ban chỉ bồi thường cho ông T 48,78m² đất ở nhưng đúng ra Ủy ban phải bồi thường

cho ông T toàn bộ diện tích bị thu hồi là đất ở và giá bồi thường phải tính theo giá thời điểm hiện tại. Người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện tuyên hủy các quyết định bồi thường, quyết định hành chính có liên quan, tuyên bố các hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X và Ủy ban nhân dân Quận X là trái pháp luật hoặc hủy bản án sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện tranh luận: Sau khi có Bản án sơ thẩm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X đã ban hành Quyết định số 6289/QĐ-UBND-TTr ngày 22/12/2017 về việc thu hồi hủy bỏ Quyết định số 1928/QĐ-UBND-TTr ngày 16/02/2011. Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5692/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của Ủy ban nhân dân Quận X, kèm theo bản chiết tính điều chỉnh số 1976/ĐC-BK ngày 15/02/2019 theo đó ông T được tính diện tích đất ở là 48,78m², phần còn lại là đất nông nghiệp, ông T được tiêu chuẩn mua 01 căn hộ tái định cư. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm do có vi phạm về thủ tục tố tụng, có tình tiết mới.

Về nội dung: Do có vi phạm về thủ tục tố tụng, có tình tiết mới phải hủy án nên không xét về nội dung tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và căn cứ vào kết luận tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 02/02/2017 Tòa án nhân dân Quận X nhận Đơn kháng cáo của người khởi kiện kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận X (gọi là Bản án sơ thẩm), đơn kháng cáo của người khởi kiện trong thời hạn quy định tại Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 nên hợp lệ. Người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ Khoản 1 Điều 158 và Khoản 1 Điều 157 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện.

[2] Người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, do vậy Hội đồng xét xử xem xét toàn bộ Bản án số 01/2017/HCST ngày 20/01/2017 của Tòa án nhân dân Quận X:

[2.1] Căn cứ vào thẩm quyền ban hành các quyết định, hành vi bị kiện, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách Ủy ban nhân dân Quận X và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X là người bị kiện trong vụ án là đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

[2.2] Người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy: Quyết định hành chính số 5692/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của Ủy ban nhân dân Quận X về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại. Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 12538/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 của Ủy ban nhân dân Quận X. Quyết định hành chính số 5354/QĐ-UBND ngày 29/4/2010 của Ủy ban nhân dân Quận X về việc bổ sung danh sách di chuyển các hộ dân cư, cơ quan đơn vị và vật kiến trúc trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới Y. Bản án sơ thẩm đã xác định các quyết định trên là Quyết định hành chính bị kiện là đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

[2.3] Người khởi kiện yêu cầu Tòa án: Xác định “hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân Quận X về việc không phổ biến đồ án quy hoạch liên quan đến Quyết định số 1997/QĐ-UB về việc thu hồi và giao đất xây dựng Khu đô thị mới Y ngày 10/5/2002”, xác định “hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X về việc sử dụng bản đồ bất hợp pháp để áp đặt nhà và đất số D19/10D Khu phố a, phường B, Quận X nằm ngoài Quyết định 367 của Thủ tướng Chính phủ và ngoài Quyết định 13585 của Kiến trúc sư trưởng vào danh sách các hộ dân bị thu hồi theo Quyết định 1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố và Bản đồ 02/BB-BQL có ranh giới dự kiến giao đất 930 ha để ban hành các quyết định về điều chỉnh, di chuyển dân cư, quyết định bồi thường, quyết định cưỡng chế và thông báo thời gian cưỡng chế đối với hộ D19/10D Khu phố a, phường B, Quận X” là trái pháp luật. Tòa án nhân dân Quận X đã thụ lý yêu cầu khởi kiện hai hành vi trên trên nhưng Bản án sơ thẩm không nêu nội dung yêu cầu khởi kiện hành vi hành chính của người khởi kiện, không nhận định hai hành vi trên có phải là hành vi hành chính bị kiện (thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính) hay không, tuy nhiên trong phần quyết định của bản án đã đình chỉ đối với yêu cầu này và căn cứ tạm đình chỉ cũng không được ghi trong bản án là vi phạm quy định Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[3] Đối với yêu cầu hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 12538/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 của Ủy ban nhân dân Quận X: Tòa án nhân dân Quận X đình chỉ yêu cầu do đã hết thời hiệu khởi kiện là đúng quy định điểm a khoản 2 Điều 104 Luật Tổ tụng hành chính năm 2010 (điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015).

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 26/9/2022, người bảo vệ của Ủy ban nhân dân thành phố T cung cấp cho Tòa án Quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 của Ủy ban nhân dân Quận X, Quyết định số 6289/QĐ-UBND-TTr ngày 22/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X nhưng người khởi kiện không rút đơn khởi kiện và không rút yêu cầu kháng cáo. Xét thấy, đây là tình tiết mới phát sinh sau phiên tòa sơ thẩm. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 235 thì Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án để xét xử sơ thẩm lại.

Như vậy, do bản án sơ thẩm có vi phạm quy định của Luật Tổ tụng hành chính và có tình tiết mới phát sinh sau phiên tòa sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm d Khoản 3 Điều 191, Điều 194, điểm b Khoản 2 Điều 235, Khoản 3 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính hủy Bản án số 01/2017/ HCST ngày 20/01/2017 của Tòa án nhân dân Quận X để xét xử sơ thẩm lại.

Về án phí: Ông Lưu Quang T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Án phí hành chính sơ thẩm sẽ được giải quyết lại tại cấp sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 32, Điểm đ Khoản 3 Điều 191, Điều 194, Điểm b Khoản 2 Điều 235, Khoản 3 Điều 241, Khoản 3 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính.

Tuyên xử:

1. Hủy bản án số 01/2017/ HCST ngày 20/01/2017 của Tòa án nhân dân Quận X (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh. Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại.

2. Về án phí: Ông Lưu Quang T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Trả lại ông Lưu Quang T 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0004768 ngày 06/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS tp T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thương Huyền